

HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA  
VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 118 /VPĐBCQG-PL  
V/v hướng dẫn một số nội dung  
về công tác bầu cử

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2016

SỞ NỘI VỤ TP. HÀ NỘI

ĐẾN Số: 1178.....  
Ngày: 03/3.....  
Chuyên:.....  
Lưu hồ sơ số:.....

Kính gửi: - Ủy ban bầu cử thành phố Hà Nội,  
- Sở Nội vụ thành phố Hà Nội.

Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia đã nhận được Công văn số 09/UBBC ngày 23/02/2016, công văn số 14/UBBC-NV ngày 25/02/2016 của Ủy ban bầu cử thành phố Hà Nội và công văn số 391/SNV-XDCQ ngày 24/02/2016 của Sở nội vụ thành phố Hà Nội đề nghị hướng dẫn về một số nội dung liên quan đến công tác bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân. Văn phòng đã báo cáo với Hội đồng bầu cử quốc gia và xin được thông báo với quý cơ quan ý kiến của Hội đồng bầu cử quốc gia về vấn đề này như sau:

**1. Về giấy khám sức khỏe trong hồ sơ ứng cử**

Theo quy định tại Điều 35 của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 và Nghị quyết số 41/NQ-HĐBCQG ngày 29/01/2016 của Hội đồng bầu cử quốc gia thì hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân gồm: Đơn ứng cử; Sơ yếu lý lịch có chứng nhận của cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền; Tiểu sử tóm tắt; 03 ảnh chân dung màu cỡ 4cm x 6cm và Bản kê khai tài sản, thu nhập.

Theo hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia, các mẫu trong hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân đều có các mục thể hiện các tiêu chuẩn của đại biểu (trong đó có mục "Tình trạng sức khỏe") để người ứng cử tự kê khai và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung kê khai trong hồ sơ ứng cử. Do đó, khi nộp hồ sơ ứng cử, người ứng cử (gồm người được giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử) không phải nộp kèm theo giấy khám sức khỏe trong hồ sơ.

Việc phải có chứng nhận đủ sức khỏe của cơ quan y tế có thẩm quyền theo Hướng dẫn số 38-HD/BTCTW ngày 31/01/2016 của Ban tổ chức trung ương là để làm căn cứ cho các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế sử dụng trong quá trình xem xét, lựa chọn nhân sự, giới thiệu người của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân. Khi đã được cơ quan, tổ chức, đơn vị thống nhất giới thiệu ra ứng cử thì người được giới thiệu ứng cử thực hiện việc lập và nộp hồ sơ theo

quy định tại Điều 35 của Luật bầu cử và Nghị quyết số 41/NQ-HĐBCQG của Hội đồng bầu cử quốc gia.

## **2. Về việc xác định nơi cư trú của người ứng cử**

Việc xác định nơi cư trú của người được giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được căn cứ theo quy định của pháp luật về cư trú. Theo Luật cư trú năm 2006 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2013) thì “cư trú là việc công dân sinh sống tại một địa điểm thuộc xã, phường, thị trấn dưới hình thức thường trú hoặc tạm trú” (Điều 1). Do đó, nơi cư trú quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 36 của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân có thể là nơi người ứng cử có hộ khẩu thường trú hoặc nơi họ đang đăng ký tạm trú.

## **3. Về việc lập danh sách cử tri**

Khoản 2 Điều 29 của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định: “Mỗi công dân chỉ được ghi tên vào một danh sách cử tri ở nơi mình thường trú hoặc tạm trú”. Do đó, về nguyên tắc, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho cử tri ở địa phương về việc lập danh sách cử tri theo từng khu vực bỏ phiếu. Các cử tri đang đăng ký thường trú tại địa bàn được ghi tên vào danh sách cử tri tại nơi mình thường trú trừ trường hợp cử tri có nguyện vọng bỏ phiếu ở nơi khác thì cần thông báo lại để Ủy ban nhân dân cấp xã không ghi tên vào danh sách cử tri ở địa phương. Trong quá trình lập danh sách cử tri, Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ ghi vào danh sách cử tri những cử tri đang đăng ký tạm trú ở địa phương mình nếu cử tri đó thể hiện rõ nguyện vọng được tham gia bỏ phiếu tại nơi mình tạm trú (có thể bằng văn bản hoặc trực tiếp bằng lời nói với người có trách nhiệm, ví dụ như trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố hoặc cán bộ phụ trách công tác lập danh sách cử tri của Ủy ban nhân dân cấp xã...). Để đơn giản thủ tục hành chính, tránh gây phiền hà cho cử tri trong việc thực hiện quyền bầu cử, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã không yêu cầu cử tri phải xuất trình thêm các loại giấy tờ mà Luật bầu cử không quy định.

Sau khi danh sách cử tri đã được lập và công bố, việc thay đổi, bổ sung danh sách được thực hiện theo quy định của Luật và văn bản quy định về các mẫu văn bản sử dụng trong bầu cử của Hội đồng bầu cử quốc gia.

Tương tự như vậy, trường hợp công dân Việt Nam từ nước ngoài trở về Việt Nam trong khoảng thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ, nếu chưa được ghi tên vào danh sách cử tri ở khu vực bỏ phiếu nào thì đều có thể đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình đăng ký thường trú hoặc tạm trú, xuất trình hộ chiếu để được ghi tên vào danh sách cử tri tùy theo nguyện vọng của bản thân.

Trừ trường hợp Luật có quy định khác, về nguyên tắc, tất cả các cử tri có tên trong danh sách cử tri đều được tham gia bỏ phiếu bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân ở cả cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã. Do đó, đối với cử tri là người đăng ký tạm trú tại địa phương, chỉ các cử tri có thời gian tạm trú tại địa phương chưa đủ 12 tháng mới không được tham gia bỏ phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã tại nơi tạm trú theo quy định tại khoản 3 Điều 29 của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân; các cử tri khác được tham gia bỏ phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân ở cả ba cấp như cử tri là người đăng ký thường trú tại địa phương.

#### **4. Về căn cứ tính tuổi bầu cử, lập danh sách cử tri**

Theo quy định tại Điều 2 của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, tính đến ngày bầu cử được công bố, công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên có quyền bầu cử. Cách thức tính tuổi công dân để được ghi tên vào danh sách cử tri đã được giải thích rõ trong cuốn Hỏi đáp về bầu cử do Hội đồng bầu cử quốc gia ấn hành, cụ thể như sau:

- Tuổi để thực hiện quyền bầu cử của công dân được tính từ ngày, tháng, năm sinh ghi trong Giấy khai sinh đến ngày bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được công bố. Trường hợp không có Giấy khai sinh thì căn cứ vào Sổ hộ khẩu hoặc Giấy chứng minh nhân dân để tính tuổi thực hiện quyền bầu cử.

- Trường hợp không xác định được ngày sinh thì lấy ngày 01 của tháng sinh làm căn cứ để xác định tuổi thực hiện quyền bầu cử. Trường hợp không xác định được ngày và tháng sinh thì lấy ngày 01 tháng 01 của năm sinh làm căn cứ để xác định tuổi thực hiện quyền bầu cử.

Như vậy, đối với cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 – 2021, do ngày bầu cử đã được Quốc hội quyết định là ngày 22 tháng 5 năm 2016, nên mọi công dân Việt Nam có ngày sinh từ ngày 22 tháng 5 năm 1998 trở về trước đều có quyền bầu cử, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

#### **5. Về thẩm quyền thành lập tổ bầu cử**

Theo quy định tại đoạn ba khoản 1 Điều 25 của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân thì đơn vị vũ trang nhân dân được xác định là khu vực bỏ phiếu riêng được thành lập một tổ bầu cử có từ 05 đến 09 thành viên gồm tổ trưởng, thư ký và các ủy viên là đại diện chỉ huy đơn vị và đại diện quân nhân của đơn vị vũ trang nhân dân đó. Do vậy, việc quyết định thành lập tổ bầu cử sẽ do Chỉ huy trưởng của đơn vị vũ trang nhân dân chủ động quyết định mà không cần phải thống nhất với Ủy ban nhân dân hoặc các cơ quan khác tại địa phương.

Trên đây là ý kiến của Hội đồng bầu cử quốc gia về một số nội dung liên quan đến công tác bầu cử, Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia trân trọng thông báo đến Ủy ban bầu cử thành phố Hà Nội và các cơ quan hữu quan của thành phố Hà Nội để tổ chức thực hiện, đồng thời tiếp tục hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp dưới và các tổ chức phụ trách bầu cử tại địa phương để bảo đảm tổ chức tốt cuộc bầu cử lần này.

Xin trân trọng cảm ơn.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch HĐBCQG (để b/c);
- Trưởng, Phó trưởng các Tiểu ban của HĐBCQG (để b/c);
- Bộ Nội vụ (để phối hợp hướng dẫn);
- Lưu: HC, PL, VP HĐBCQG.

E-pas: 13221

